

Bản án số: 06/2024/HC-PT

Ngày 04/01/2024

*“V/v yêu cầu hủy quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai và
yêu cầu bồi thường”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, mở phiên tòa trực tuyến, tại điểm cầu trung tâm là Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần là Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh để xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 636/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 9 năm 2023, về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường”, do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14796/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phùng Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Trần Thị T, sinh năm 1975; có mặt.

Cùng có địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim T1 (vắng mặt), ông Phan Văn H (có mặt), ông Nguyễn Đức B (có mặt). Đều là Luật sư thuộc Văn phòng L2, Đoàn Luật sư thành phố H.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đoàn Anh T2, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí C, chức vụ: Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1970; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông L1: Bà Phùng Thị L, sinh năm 1974; vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Phùng Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Năm 2019 Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt: UBND) huyện Y có chủ trương thu hồi đất nông nghiệp của các hộ dân tại thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đầu giá quyền sử dụng đất; hộ gia đình bà L bị thu hồi một phần diện tích đất nông nghiệp để thực hiện dự án, nguồn gốc đất bị thu hồi là do gia đình khai hoang, chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt: GCNQSDĐ) nhưng quá trình sử dụng gia đình bà có quây rào và đổ bê tông trên đất để trồng rau và trồng cây gỗ sưa.

Ngày 20/9/2019, UBND huyện Y ra Quyết định số 7485/QĐ-UBND thu hồi của gia đình bà 75,7m² tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 1, tại xứ đồng Mái Sau, thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Gia đình bà được nhận quyết định thu hồi đất nhưng không được nhận thông báo thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường đất, người dân có được phổ biến và họp nhưng có một số hộ dân không đồng ý và có hỏi nhưng các cấp chính quyền không trả lời được cho người dân. Ngày 29/11/2019, bà cùng một số hộ dân khác đã làm đơn khiếu nại lần thứ nhất; ngày 15/12/2020, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 14696/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại, kết luận nội dung khiếu nại không có căn cứ. Ngày 04/01/2021, bà và một số công dân tiếp tục làm đơn khiếu nại lần thứ hai; ngày 06/5/2021, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 503/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung khiếu nại không có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 16; khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 thì việc UBND huyện Y ra quyết định thu hồi phần đất của gia đình bà là không có căn

cứ, trái quy định pháp luật. UBND huyện Y không tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục luật định, cụ thể: Gia đình bà không được nhận thông báo thu hồi đất, quyết định phương án bồi thường hỗ trợ, không được tham gia lấy ý kiến trong quá trình lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Tại Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 HĐND tỉnh B phê duyệt danh mục dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhưng không xác định rõ vị trí, ranh giới của dự án, dẫn đến việc tiến hành thu hồi có thể không chính xác. Nay gia đình bà muốn sử dụng phần đất này để canh tác nên không đồng ý việc thu hồi đất. Nếu dự án tiếp tục được thực hiện thì đề nghị được thỏa thuận về giá bồi thường đối với chủ đầu tư vì dự án này không phải là dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Thửa đất của gia đình bà bị thu hồi trước vẫn đang canh tác rau xanh và trồng cây sưa, khi bị cưỡng chế lúc đó trên đất vẫn còn 19 cây sưa nhưng ngày 17/11/2021 Chủ tịch UBND huyện Y đã ra quyết định cưỡng chế trái pháp luật dẫn đến thiệt hại về hoa màu của gia đình. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy Quyết định số 7485/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đầu giá quyền sử dụng đất tại xã H, huyện Y.

2. Hủy Quyết định số 7852/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đầu giá quyền sử dụng đất tại xã H, huyện Y.

3. Hủy Quyết định số 14696/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị T và một số công dân thôn Y, xã H, huyện Y.

4. Hủy Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Trần Thị T và một số công dân thôn Y, xã H, huyện Y.

5. Yêu cầu bồi thường hoa màu trên đất với tổng số tiền là 210.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo uỷ quyền của bà L thay đổi yêu cầu được bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

- *Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:*

Ngày 15/12/2020, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 14696/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị T và một số công dân thôn Y, xã H, huyện Y đã khẳng định việc khiếu nại các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND huyện Y là không có căn cứ.

Ngày 05/01/2021 UBND tỉnh B nhận được đơn khiếu nại đề ngày 04/01/2021 của một số hộ dân thuộc thôn Y, xã H, huyện Y đối với Quyết định số 14696/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Y. Ngày 28/01/2021 Chủ tịch UBND tỉnh B có Quyết định số 134/QĐ-UBND giao cho Sở T tiến hành xác minh làm rõ nội dung khiếu nại. Ngày 14/4/2021, Sở T có Báo cáo số 76/BC-STNMT, báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại. Ngày 06/5/2021, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 503/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại, kết luận: Đơn khiếu nại của bà Trần Thị T và một số công dân thôn Y, xã H đối với Quyết định số 14696/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y là không có căn cứ. Việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của UBND huyện Y cơ bản theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, tuy nhiên có thiếu sót một số thủ tục hành chính như: Không thông báo việc thụ lý bằng văn bản đến người khiếu nại; không có quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại theo quy định. Việc thiếu sót này UBND huyện Y cần rút kinh nghiệm.

Quyết định số 14696/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị T và một số công dân thôn Y, xã H, huyện Y là đúng pháp luật nên không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị L.

- *Người bị kiện UBND huyện Y và Chủ tịch UBND huyện Y trình bày:*

+ Thửa đất của bà Phùng Thị L có đại diện chủ sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn L1 (Luyến) là thửa đất số: 84, tờ bản đồ số 1, diện tích 75,7m² tại xứ đồng Mái Sau; diện tích thu hồi theo quy hoạch: 75,7m²; loại đất thu hồi: LUC. Thửa đất này là đất công ích xã giao cho hộ ông Nguyễn Văn L1 (Luyến) canh tác sử dụng, không phải là đất nông nghiệp được giao ổn định lâu dài cho hộ gia đình, không được cấp GCNQSDĐ. Theo quy định tại Điều 25 Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh B ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và trình tự thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh thì việc hỗ trợ khi thu hồi đất công ích được tính là: Hỗ trợ cho người sử dụng đất 30.000 đồng/m², hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất cho người đang sử dụng đất thuê là 30% giá đất 21.000 đồng/m², bồi thường hoa màu cho người đang sử dụng đất 9.000 đồng/m², trả cho ngân sách xã là 70% giá đất 49.000 đồng/m². Tổng kinh phí hỗ trợ được tính cho hộ ông Nguyễn Văn L1 (Luyến) là: 75,7 m² x 30.000 đồng/m² = 2.271.000 đồng.

+ Đối với yêu cầu hủy Quyết định của UBND huyện Y về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đầu giá quyền sử dụng đất tại xã H, huyện Y: Đây là dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, khoản 3

Điều 32 Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh B, Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024). Về trình tự thủ tục lập hồ sơ thu hồi đất, lập phương án bồi thường hỗ trợ và quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của UBND huyện Y ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

+ Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 7852/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện Y: Hội đồng bồi thường GPMB phối hợp với UBND xã H, các ban ngành, đoàn thể địa phương tổ chức nhiều cuộc vận động, đối thoại trực tiếp với nhân dân nhưng có một số hộ dân không đồng ý. Ngày 09/11/2021, UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 734 đồng ý cho UBND huyện Y tổ chức cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án. Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 7852/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

+ Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 14696/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Trần Thị T và một số công dân xã H, huyện Y; ngày 17/02/2020 Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Văn bản số 186/UBND-NC giao Phòng T3 xem xét, tham mưu giải quyết đơn. Ngày 23/11/2020, Phòng T3 tổ chức đối thoại với công dân để xác minh làm rõ nội dung đơn của các công dân. Ngày 15/12/2020, Phòng T3 ban hành Báo cáo số 49/BC-TNMT và ngày 15/12/2020 Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 14696/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị T và một số công dân thôn Y, xã H là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

+ Về yêu cầu bồi thường thiệt hại hoa màu trên đất: Sau khi ban hành Quyết định số 7852/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp; đã thực hiện các thủ tục gửi quyết định, tuyên truyền vận động đến từng hộ, niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương. Ngày 21/12/2021, UBND xã H thực hiện cưỡng chế thu hồi đất trên thực địa theo hình thức san ủi mặt bằng hiện trạng đối với các thửa ruộng mà các hộ gia đình không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Sau khi cưỡng chế các hộ có đơn tố cáo gửi Công an huyện Y đối với việc hủy hoại hoa màu, cây trồng trên đất và đã được Công an huyện Y giải quyết tại Văn bản số 203/TB-CAYP ngày 24/02/2022 và Văn bản số 499/TL-CAH ngày 17/4/2022, có nội dung: Việc thực hiện cưỡng chế đảm bảo công khai, minh bạch đúng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu của các hộ được bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây trồng trên đất khi cưỡng chế là không có cơ sở.

Do đó, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H trình bày:

Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đấu giá quyền sử dụng đất tại xã H, huyện Y là dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai; được HĐND tỉnh B phê duyệt theo Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, Nghị quyết 123 ngày 18/7/2018 và Nghị quyết 191 ngày 11/7/2019. UBND xã H, huyện Y được UBND tỉnh B giao làm chủ đầu tư dự án.

Ngày 20/9/2019, UBND huyện Y ban hành các quyết định thu hồi đất từ số 7382 đến số 7539 đến từng hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi và quyết định số 7540 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, diện tích đất nông nghiệp bồi thường hỗ trợ là 5,79 ha, kinh phí bồi thường hỗ trợ là 26,17 tỷ đồng.

Quá trình thực hiện dự án, UBND xã H đã phối hợp với Hội đồng BTGPMB huyện Y và các đơn vị có liên quan thực hiện các trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất đảm bảo đúng quy định pháp luật nhưng một số hộ không đồng ý, không nhận tiền bồi thường, hiện nay số tiền các hộ không nhận đã được chuyển vào Kho bạc Nhà nước. Dự án này đã tổ chức thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất xong và hiện nay chưa tổ chức đấu giá. UBND xã H đồng quan điểm với UBND huyện Y, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công dân.

- Tại bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh quyết định:

Căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 62, 66, 69 Luật Đất đai 2013; các Điều 18, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại 2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị L gồm:

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 7485/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND huyện Y về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đấu giá quyền sử dụng đất tại xã H, huyện Y.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 7852/QĐ- UBND ngày 17/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đấu giá quyền sử dụng đất tại xã H, huyện Y.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 14696/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị T và một số công dân thôn Y, xã H, huyện Y để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở đấu giá

quyền sử dụng đất tại xã H, huyện Y.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Trần Thị T và một số công dân thôn Y, xã H, huyện Y.

- Bác yêu cầu bồi thường hoa màu trên đất với tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/7/2023 người khởi kiện bà Phùng Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có kháng cáo trình bày: Gia đình bà Phùng Thị L không được nhận quyết định thu hồi đất, không được tham gia lấy ý kiến khi thu hồi đất để xây dựng dự án. Việc cưỡng chế giao cho UBND xã H thực hiện có nhiều vi phạm, xâm phạm đến tài sản của gia đình bà L. Trong Quyết định số 31 không có căn cứ về mức bồi thường nhưng UBND huyện Y lại căn cứ quyết định này để thực hiện bồi thường là không có cơ sở nên Quyết định 14696 và Quyết định 503 là trái pháp luật. Việc thu hồi đất là không có căn cứ vì HĐND tỉnh B ban hành Nghị quyết số 90 hạn mức chỉ được thu hồi 10 ha đất nông nghiệp trở xuống nhưng UBND huyện Y lại ban hành quyết định thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án tại xã H trên 11 ha là không đúng, trong diện tích đất thu hồi thừa để thực hiện dự án có phần đất ruộng của gia đình bà L. Như vậy, các yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ; bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L, hủy bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện bà Phùng Thị L là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Các quyết định hành chính bị kiện được UBND huyện Y, Chủ tịch UBND huyện Y, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; nội dung các quyết định là đảm bảo đúng pháp luật, không gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của bà Phùng Thị L, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc

Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Phùng Thị L là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người khởi kiện có kháng cáo nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền, có mặt 02/3 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trong đó có người đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người khác vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 và họ không kháng cáo. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Quyết định thu hồi đất số 7485/QĐ-UBND ngày 20/9/2019, Quyết định số 14696/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 503/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7852/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; người khởi kiện cho rằng các quyết định này xâm phạm đến quyền lợi nên ngày 08/4/2022 và ngày 19/12/2022 có đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên và yêu cầu được bồi thường. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Quyết định số 7540/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND huyện Y về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đấu giá quyền sử dụng đất tại xã H là quyết định hành chính không bị kiện nhưng có liên quan đến việc giải quyết vụ án nên bản án sơ thẩm xem xét, đánh giá tính hợp pháp của quyết định này là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nội dung kháng cáo yêu cầu huỷ các quyết định hành chính bị kiện:

- Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hình thức:

Quyết định số 7485/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND huyện Y về việc thu hồi đất, Quyết định số 14696/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 503/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7852/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y được ban hành là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 66, các Điều 69, 70, 71 Luật Đất đai; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T4; Thông tư số 07 năm 2013; Thông tư số 02 năm 2016 của Thanh tra Chính phủ; Nghị định số 75 năm 2012 của Chính phủ.

- Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện về nội dung:

+ Đối với Quyết định số 7485/QĐ-UBND của UBND huyện Y về việc thu hồi đất:

Theo quyết định thu hồi đất này thì gia đình bà L bị thu hồi 75,7m² đất tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Mái Sau, loại đất thu hồi: LUC. Thửa đất này là đất công ích giao cho hộ ông Nguyễn Văn L1 (Luyến) canh tác sử dụng, không phải là đất nông nghiệp được giao ổn định lâu dài cho hộ gia đình, không được cấp GCNQSDĐ.

Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đầu tư giá quyền sử dụng đất tại thôn Y, xã H, huyện Y đã được HĐND tỉnh B phê duyệt theo Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về việc thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, 20 ha đất rừng; đây là dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Đến năm 2018 tiếp tục được HĐND tỉnh B phê duyệt tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 và đến năm 2019 tiếp tục được phê duyệt tại Nghị quyết số 191 ngày 11/7/2019.

Việc thu hồi đất để thực hiện dự án này thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013; không thuộc trường hợp thỏa thuận giá đất với nhà đầu tư theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai nên giá bồi thường, hỗ trợ được áp dụng theo quy định của UBND tỉnh B tại Quyết định 31/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và Quyết định 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014. Theo đó mức bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất công ích được xác định: Hỗ trợ cho người sử dụng đất: 30.000 đồng/m², hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất cho người đang

sử dụng đất thuê là 30% giá đất: 21.000 đồng/m², bồi thường hoa màu cho người đang sử dụng đất: 9.000 đồng/m², trả cho ngân sách xã là 70% giá đất: 49.000 đồng/m². Kinh phí hỗ trợ được tính cho hộ ông Nguyễn Văn L1 (Luyên) là: 75,7m² x 30.000 đồng/m² = 2.271.000 đồng. Đối chiếu với các Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại Quyết định số 7540/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 thì mức bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà L là đúng pháp luật.

Gia đình bà L đề nghị không thu hồi đất nông nghiệp để gia đình bà giữ lại sử dụng canh tác, trường hợp vẫn thu hồi đất để thực hiện dự án thì phải được thỏa thuận giá với chủ sử dụng đất là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với các Quyết định số 14696/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y và Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T và một số công dân ở thôn Y, xã H, huyện Y:

Như đã nhận định ở trên, việc UBND huyện Y thu hồi đất của gia đình bà L để thực hiện dự án khu nhà ở đấu giá quyền sử dụng đất tại xã H, huyện Y là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Quyết định số 14696/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y và Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T và một số công dân ở thôn Y, xã H, huyện Y là đúng quy định pháp luật.

- Đối với Quyết định 7852/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Quá trình thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đất để thực hiện dự án đã được UBND huyện Y thực hiện công khai, minh bạch và tuân thủ đúng quy định, trình tự pháp luật. Gia đình bà L mặc dù đã được vận động nhiều lần nhưng không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để bàn giao mặt bằng thực hiện dự án nên ngày 23/8/2021, UBND tỉnh B có Văn bản số 734/UBND-TNMT đồng ý cho UBND huyện Y cưỡng chế thu hồi đất. Do đó, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định 7852/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án là đúng pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại hoa màu trên đất:

Sau khi ban hành Quyết định số 7852/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp; UBND xã H và UBND huyện Y đã thực hiện các thủ tục gửi quyết định, tuyên truyền vận động đến từng hộ dân, niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương. Ngày 21/12/2021, UBND xã H thực hiện cưỡng chế thu hồi đất trên thực địa theo hình thức san ủi mặt bằng hiện trạng đối với các thửa ruộng mà các hộ gia đình không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Sau khi cưỡng chế các hộ dân có đơn tố cáo gửi Công an huyện Y đối với việc hủy hoại hoa màu, cây trồng trên đất và được Công an

huyện Y giải quyết tại Văn bản số 203/TB-CAYP ngày 24/02/2022 và Văn bản số 499/TL-CAH ngày 17/4/2022, với nội dung: Việc thực hiện cưỡng chế đảm bảo công khai, minh bạch đúng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu của các hộ được bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây trồng trên đất khi cưỡng chế là không có cơ sở.

Các quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện Y và của Chủ tịch UBND huyện Y ban hành là đảm bảo đúng quy định pháp luật nên bà L yêu cầu UBND huyện Y phải bồi thường số tiền 50.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phùng Thị L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Phùng Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Phùng Thị L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

2. Về án phí: Bà Phùng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000406, ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, HCTP, HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng